

VUA MINH MẠNG VÀ VIỆC TUYỂN BỒ QUAN LẠI

HÒ NGỌC ĐĂNG*

Trong 21 năm trị vì (1820 - 1841), vua Minh Mạng đã xây dựng được một đội ngũ quan lại mẫn cán. Để có được thành quả đó, ông đã có những quan điểm khá tích cực trong vấn đề sử dụng quan lại. Ông quan niệm người làm quan phải hội tụ đầy đủ các yếu tố thiết yếu là tài, đức, trung với vua và yêu thương dân chúng. Bên cạnh đó, trong quá trình sử dụng quan lại, ông rất linh động để sử dụng đúng năng lực, sở trường. Tuy trọng hiền tài, nhưng ông cũng rất nghiêm khắc, sẵn sàng trừng trị nặng những vị quan lại tham lam và thiếu trung thực... Tuy cách nay đã gần 2 thế kỷ, nhưng những quan niệm và hành xử của ông về xây dựng đội ngũ quan lại vẫn là những bài học bổ ích cho hiện tại.

Từ khóa: Vua Minh Mạng, quan lại, tài đức, trung thực, xử phạt

Nhận bài ngày: 15/7/2016; đưa vào biên tập: 8/1/2017; phản biện: 3/3/2017; duyệt đăng: 15/3/2017

Do những yếu tố khách quan, đội ngũ quan lại dưới triều vua Gia Long hầu hết được lựa chọn từ những người có công giúp nhà Nguyễn trong công cuộc giành độc quyền từ nhà Tây Sơn. Đội ngũ này chủ yếu là những người đã kinh qua trận mạc, nhưng kinh nghiệm quản lý hành chính, điều hành đất nước chưa nhiều. Đây là một trong những khó khăn đặt ra cho vua Minh Mạng sau khi kế vị ngôi từ vua

cha. Trong khi đó, yêu cầu quản lý, bảo vệ đất nước rộng lớn và giữ vững ngôi vương đòi hỏi vua Minh Mạng cần phải xây dựng bộ máy hành chính tập quyền vững mạnh để giúp vua điều hành đất nước. Vì vậy, trong quá trình trị vì, vua Minh Mạng đã ban định nhiều chính sách về tuyển bổ, quản lý và sử dụng quan lại, như: tổ chức các trường thi, ban hành các quy định tiến cử, bảo cử, xét công, khảo khóa,... nhằm tìm kiếm những người hiền tài trong cả nước.

* Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

1. CHỌN NGƯỜI “TÀI ĐỨC”

Khổng Tử quan niệm: “làm chính trị mà dùng đức thì như sao Bắc Đẩu ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về cả” (Nguyễn Hiến Lê 1995: 27). Thân Nhân Trung (1419-1499) cũng từng nói “hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn”. Vua Minh Mạng cũng có chung quan niệm: “người hiền tài là rường cột của quốc gia” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2010: 153). Thực tế, trong thời kỳ trị vì của mình, ông đã tuyển bổ được nhiều vị quan tài đức vẹn toàn có nhiều đóng góp cho đất nước.

Năm 1821, ngay sau khi kế vị, vua Minh Mạng đã ra chiếu cầu hiền: “Kể hiền tài là đồ dùng của quốc gia... nên rất muốn trong triều có nhiều kẻ sĩ đức hạnh tốt”, liền hạ lệnh cho quan văn võ trong Kinh, ngoài tỉnh tiến cử người mình biết, không kể nghèo hèn hay gia thế, mà chỉ mong “có được người thực tài để lượng xét sau lục ra dùng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2010: 139). Nhà vua quan niệm “dụng nhân như dụng mộc”. Năm 1833, ông từng bảo Thượng thư bộ Lễ Phan Huy Thực rằng: “triều đình dùng người như thợ giỏi dùng gỗ, không nên vì một tác mà bỏ mấy cây gỗ to vừa người ôi” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 579) nên “Trẫm sớm tối lấy việc cầu hiền làm cần” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 579).

Tuy nhiên, việc cầu người hiền tài theo vua Minh Mạng là phải rất cẩn

trọng. Ông giải thích: “đạo làm vua ở chỗ biết người, nhưng nhân tài có cao thấp, lớn nhỏ khác nhau, không từ từ mà xem xét thì có thể đến chỗ nhầm. Trẫm đối với việc dùng người vẫn thường lưu ý, mỗi khi bổ dụng ai, tất phải xem xét lời nói, nét làm và xem cử chỉ thế nào” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2010: 144-145). Ông cho rằng: “cầu người tài như khát nước” và “cầu cho nước trị bình thì lấy nhân tài làm trước tiên... Trong nước có người hiền tài thì công trị bình được rực rỡ, cũng như núi sông có ngọc châu thì mới có ánh sáng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2010: 152); và “xây dựng chính trị cốt được người giỏi, phương pháp chọn người không phải chỉ một”. Ông từng khuyên Tả Tham tri bộ Lại Lê Đăng Doanh rằng: “triều đình bổ dụng, thường thường chú trọng việc cử người. Từng lo số người không đủ mà nếu bổ dụng bừa bãi, thì sắc son, sắc tía lẫn lộn, làm sao giữ trong sạch được quan trường để có ích cho việc cai trị”, vì vậy “dùng người phải cẩn thận” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 672). Tư tưởng của vua Minh Mạng trong tuyển dụng quan lại là “phàm vua mà mở lòng dung nạp, thì tài trí của thiên hạ đều là tài trí của mình”, nhưng “phải cảnh giác, gạt bỏ những tâm bốc, xu nịnh” (Lê Sĩ Thắng 1997, tập 2: 84-85).

Từ những quan niệm trên, trong suốt hơn 20 năm trị vì, vua Minh Mạng đã ban định nhiều chính sách nhằm đào tạo, tuyển bổ được nhiều người hiền tài ra giúp vua. Đặc biệt là ông đã bốn lần hạ chiếu cầu hiền vào các năm

1821, 1823, 1828 và 1831 (Lê Sĩ Thắng 1997, tập 2: 84-85).

Về lệ tiến cử, vua Minh Mạng cũng định lệ tiến cử và thường xuyên nhắc nhở quan thần trong cả nước tiến cử người hiền tài mình biết. Năm 1821, nhà vua đã ban dụ cho quan thần tìm những người hiền tài còn chưa được vời đến ở các tỉnh Bắc Thành và Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh: “đặc chuẩn cho cả 11 hạt Bắc Thành và 2 hạt Thanh Nghệ, có người nào học rộng văn hay, am thuộc điển tịch, cho chí kẻ có một tài một nghệ khả dĩ giúp ích cho thực dụng, thì cho được đến hành tại hoặc các nha môn, hoặc nhân tiện đến các thành trấn thì cho lấy tên tâu ngay” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 171-172). Cũng trong năm 1821, nhà vua ban chiếu: “Ta từ ngày giữ chức đến nay, cầu người hiền sĩ như khát nước, đã từng hạ lệnh cho trong ngoài đề cử người hiền, mà đã lâu không thấy cử ai... Vậy các người phải đề cử những người mình biết, trẫm sẽ tùy tài bổ dụng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 117).

Tiếp đến năm 1826, nhà vua dụ rằng “việc dùng người, trẫm vẫn luôn luôn đề ý..., thế mà cũng không thể biết hết mọi người. Chỉ mong bọn khanh làm tai mắt trẫm, có biết ai nên đem tâu lên, trẫm sẽ tùy tài khí mà dùng, nhất thiết đừng có chút ý riêng vào đấy!” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 540). Theo vua Minh Mạng, cầu hiền tài không phải là việc trong một thời điểm nhất định mà đó là cả một quá trình dài lâu. Năm 1835,

vua lại tiếp tục ban dụ: “Ta từ khi lên ngôi đến nay, vẫn ngôi ghé chiếu mong mỗi người hiền”, rồi lại hạ lệnh cho quan viên trong Kinh đến ngoài tỉnh tiến cử người tài đức⁽²⁾. Nhà vua nói thêm: “đó là do ta cần kíp về việc kêu gọi tìm kiếm hiền tài tuấn kiệt để dùng vào việc nước”.

Vua Minh Mạng cho rằng quan thần là “tai mắt” của vua nên phải có trách nhiệm phát hiện người hiền tài: “tiến người giỏi cho vua là chức phận của người bề tôi... vì nước tiến hiền cũng là việc trong bản phận trung vua yêu nước. Người cử ra cốt được thực tài, giúp ích chính trị, để đáp ứng ý Trẫm rộng cầu người tài giỏi” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 68). “... Tự trước đến nay, các chức phủ huyện, trẫm không thể nhất nhất kén chọn từng người được, nên để cho đình thần kén chọn, may ra tìm được người khá để làm tốt công việc” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 679).

Tuy nhiên, vua Minh Mạng luôn nhắc nhở quan thần không được lạm quyền mà tiến cử người không có đức và không thực tài. Khi cử người “nhất thiết giữ lòng công chính, trung thành. Nếu biết đích xác, thấy rõ ràng là quả thực có người tốt thì cử, nếu không thì thôi, không được làm cho chiếu lệ, lạm cử đến kẻ không ra gì, thì tất bị đình thần nghị xử” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 491-492). Nếu vị quan nào tiến cử người không đủ tài đức, không những người đó không được bổ dụng mà vị quan tiến cử còn bị giáng phạt. Câu chuyện sau

là ví dụ: Tham tri Nguyễn Văn Hưng và Nguyễn Công Tiệp đề cử Nguyễn Đình Cáp làm Đồng tri phủ Thiên Trường. Đến năm 1827, Nguyễn Đình Cáp tham tang, phải tội chết. Vua cho rằng Nguyễn Văn Hưng và Nguyễn Công Tiệp đã “không xét kỹ lại khinh suất cử lên, theo phép đáng phải tội”, nhưng vua “nghĩ đã bị giáng truất không bắt tội thêm nữa”. Nhân đó, vua Minh Mạng khuyên nhủ các quan “từ nay nên cẩn thận việc đề cử, chớ vì lòng riêng gây dựng cho người mà làm phải người bậy, cũng đừng vì có đề cử làm người mà im lặng không đề cử nữa” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 679).

Năm 1824, khi giao cho thự Tham tri Lễ bộ là Hoàng Kim Hoán quản lý Quốc tử giám, vua Minh Mạng bảo rằng: “Nhà Quốc học chứa nuôi nhân tài để đợi dùng. Nhưng đạo dùng cả những học sinh ở Giám, có kẻ thì giỏi văn chương, có kẻ thì giỏi đức hạnh, khanh nên nghĩ kỹ mà nêu riêng, không nên coi như một. Vả nhà nước nuôi học trò, làm nhà học cho ở, cấp lương cho ăn, nay lại nghe, các học sinh nhiều người trong ấy hoặc có người rượu chè, trai gái, lui tới cửa quyền, không thể không cấm chỉ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 348). Với quan điểm đào tạo như vậy, nên nhà vua thường giao việc quản lý Quốc tử giám cho những đại thần tài đức vẹn toàn.

2. CHỌN NGƯỜI CÓ “LÒNG TRUNG”

Dưới thời trị vì của mình, vua Minh Mạng tiếp tục áp dụng chế độ *tiền*

dưỡng liêm như dưới thời vua Gia Long “để khuyến khích tiết tháo trong sạch” của quan lại. Ngoài ra, đối với những vị quan thanh liêm, luôn lo cho dân, vua Minh Mạng thường khen ngợi và có phần thưởng. Năm 1834, Tri phủ Anh Sơn Nguyễn Hữu Hoàng được gọi về Kinh để bổ dụng chức vụ khác, nhưng khi về Kinh bị bệnh rồi chết. Lễ khoa Cáp sự trung Ngô Kim Lân dâng sớ nói: “Hoàng làm quan trong sạch, giản dị, rất được lòng dân, sau khi mất, trong túi không có tiền thừa, trước nhận chức ở Phú Vinh, đến nay hãy còn được dân nhớ mến”. Vua liền bảo Nội các: “Hoàng rõ là người có tiết tháo thanh bạch, nên biểu dương để khuyến khích người sau”. Bèn lệnh thưởng Nguyễn Hữu Hoàng 100 quan tiền và sai phủ Thừa Thiên thuê thuyền đưa đám tang về quê ở Quảng Nam (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 385)... Nhà vua cũng thường thử nghiệm “lòng trung” của quan lại để họ có cơ hội phát huy năng lực và đóng góp. Năm 1834, Vũ khố đốc công Lê Trường Danh được thăng lên thự Bộ chính Thái Nguyên. Khi Trường Danh cùng Trần Xác vào từ biệt, vua bảo rằng: Các người là chức quan nhỏ, hai chữ “trung hiếu” há lại không rõ, được cất nhắc lên chức ngày nay cũng là muốn lấy chính trị mà thử, để xem thi thố như thế nào... “Nếu khi ra khỏi cửa cung, liền cho rằng vua ở xa muôn dặm, mình có thể ám muội làm bậy, lập tâm như vậy thì là con người không đáng kể nữa! Thần mình ở gần, trời và mặt trời khó dối, các người có

thể đem mình để thử pháp luật chăng? Hãy cố gắng lên!” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 117).

Với những vị quan không trung thực, vua Minh Mạng đều nghiêm trị. Năm 1832, Trần Lý Đạo khi viết dụ chỉ làm thiếu tên người, sợ bị phát giác bèn viết lại bản khác, nhờ Nguyễn Chính Tiết lên đóng ấn Ngự bảo. Vua Minh Mạng cho như vậy là “mất hết lương tâm, không coi pháp luật vào đâu”, liền phạt Trần Lý Đạo trăm giam hậu. Còn Nguyễn Chính Tiết “thực là kéo bè đảng để dối vua”, phạt tội giảo giam hậu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 330-331). Năm 1838, Bó chính Quảng Trị Trần Hiên Doãn, khi được sung làm quan trường Gia Định, vin có mẹ ốm xin ở lại chăm nuôi nhưng thực ra là cưới vợ, còn để cờ bài khâm sai ở nhà riêng và khoe khoang với nhiều người nên bị quan tỉnh đề nghị cách chức. Vua nhân đó bảo thị thần rằng: “trăm đối với thần tử khi được trăm yêu bèn cây yêu để chuộc tội lỗi, thế hầu để trăm không được yêu chăng? Kể thì trăm yêu cũng vì có tài, làm việc có ích cho nước nhà, không phải có tình riêng, hấn cây được yêu mà kiêu, đó là khí độ nhỏ nhen, dễ tự mãn mà thôi, nhân tài trong nước không ít”. Liền miễn chức Trần Hiên Doãn (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 5: 404).

3. CHỌN NGƯỜI CÓ KINH NGHIỆM VÀ SỞ TRƯỜNG

Vua Minh Mạng từng nói: “Ta thường thắc mắc về việc dùng người. Đại để, dùng khoa mục để kén lấy kẻ sĩ, vẫn

là đường chính. Nhưng cái sở học của họ lại khác với sở hành”. Năm 1827, vua Minh Mạng cho đổi bổ Tri bạ Dương Tiến Tại làm Cai đội. Vua cho rằng: “Vương giả dùng người như dùng đồ vật, đều lấy theo sở trường, thì ở dưới không có tài nào bị bỏ”. Dương Tiến Tại học ít, “cho làm giấy tờ chưa hẳn làm nổi”, hơn nữa trước đây Dương Tiến Tại “đã theo Phạm Văn Lý đi đánh giặc, chắc đã thạo việc quân, nên đổi làm Chánh ngũ phẩm Cai đội, đợi khuyết Vệ úy sẽ bổ thì phải” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 2: 639). Đặc biệt, năm 1834, ông bảo Nguyễn Khoa Minh và Trương Đăng Quế rằng: “các thuộc viên các Bộ, các Viện, người miền Nam không nhiều bằng người miền Bắc. Có lẽ về văn học Nam Kỳ mới chớm nở, đồ đạt còn ít... Nếu cứ câu nệ có khoa mục mới dùng thì sau đây mấy chục năm nữa, vẫn đều là người Bắc được bổ dụng, còn người miền Nam, do đâu mà được liệt vào sổ làm quan”. Từ đó, vua liền chuẩn “từ nay phạm người miền Nam nào là mẫn cán, thì bất cứ có khoa mục hay không, các người nên tùy tài mà đề bạt cất nhắc, để đủ người dùng vào việc nước” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 117). Ông từng bảo Bộ Binh (1830): “Cái phép xem người, không phải một cách mà thôi”, bởi “có người ứng đối giỏi mà đến lúc làm việc lại lười kém, có người quá kinh sợ, mà đến lúc làm việc lại giỏi giang” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 87). Như vậy, đối với vua Minh Mạng, chọn người làm việc cần

phải dựa trên thực việc, không câu nệ học vấn, hay những xét đoán qua hình thức.

4. CHỌN NGƯỜI CÔNG BẰNG VÀ BIẾT “KHOAN THƯ SỨC QUAN”

Trong quá trình tuyển bổ, quản lý và sử dụng quan lại, vua Minh Mạng cũng rất công bằng trong “dụng nhân”. Ông không phân biệt người Bắc Thành, thứ dân hay người dòng dõi Tôn thất, công thần. Năm 1834, vua Minh Mạng bảo Nội các: “dùng người làm việc, giữ một mực công bằng, dầu có kẻ tôi con thân tín từ trước cũng chỉ dùng theo tài năng, chứ không tư vị một người nào” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 215-216). Năm 1835, Giám sát ngự sử đạo An - Tĩnh Nguyễn Bá Nghi tâu lên: “Gần đây, ở ngoài phần nhiều phân biệt Nam, Bắc, người miền Nam thì kiêu hãnh khinh người, lời nói và việc làm đều hay trích thượng; người miền Bắc thì lấy làm tủi thân, tuy cố gắng làm việc, nhưng vẫn đem lòng bất mãn; điều qua tiếng lại, dần thành hằn học lẫn nhau”. Vua dụ rằng: “dùng người làm việc giữ một lòng công, nào có kỳ thị bao giờ!... người Nam người Bắc, miễn có tài là đều được dùng, muốn cho họ gom công góp sức, kính cần giúp việc... chứ chẳng vì Bắc hay Nam mà đối xử khác nhau”. Vua còn bảo: “Triều đình lập pháp rất công bằng, rất thẳng thắn, bỏ dùng sai khiến chỉ tùy theo tài năng của mọi người, chứ không hề phân biệt Nam, Bắc” và khuyên quan lại: “trọng việc công, quên tình riêng, thân mật với mọi

người mà không bè đảng, mới là tôi con của triều đình, lâu dài đợi ơn yêu dẫu”. Nếu “người Nam còn có khí thể hợm mình mà khinh miệt người Bắc, người Bắc còn có lòng oán vọng mà dị nghị người Nam”, khi việc phát giác sẽ bị trị tội nặng thêm một bậc (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 799).

Vua Minh Mạng không thiên vị ai, kể cả người thuộc dòng dõi Tôn thất. Vua từng bảo Nội các: “Ta đối với người trong Tôn thất, ai hiền tài thì mới cất dùng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 330). Năm 1835, ông dụ Bộ Binh rằng: có nhiều người trong Tôn thất thanh liêm tiết tháo, nổi tiếng trên đường làm quan... nên “phàm người nào tuổi trẻ, sức mạnh, tư chất thông minh khác thường, đáng bỏ tôn học sinh; tài năng kiến thức làm nổi công việc, đáng bỏ ty Hộ vệ, điều tùy theo sở năng, lựa ra, chia từng hạng làm thành danh sách, tâu lên, đợi Chỉ sung bổ”. Ông khuyên: “người họ Tôn thất đều nên mài dũa tâm thân, kịp thời trở sức làm việc để đáp thịnh tình gây dựng của ta. Nếu có ai chỉ mưu tính cầu an, không gắng sửa mình tiến tới, thì là cam tâm tự làm hỏng mình, cũng chuẩn cho Tôn nhân phủ và Tư Giáo phải nêu tên tâu hạch để tước bớt lương bổng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 330).

Nếu người trong Tôn thất có tài đức sẽ được vua Minh Mạng nêu gương. Chuyện về Tôn Thất Bật là câu chuyện điển hình về cách đối xử của nhà vua với người trong dòng họ. Tôn

Thất Bật là người có mưu lược, can đảm, từng có công lớn trong đánh dẹp giặc nên được phong cho Tước nam. Còn Tôn Thất Gia là người trung nghĩa, khi nghe Nam Kỳ có biến tự xin tòng quân, nhưng vì thể yếu, không chống nổi giặc, đã biết giữ tiết tháo không khuất phục, chấp nhận hy sinh. Vua cho rằng “Một người vì có công, một người vì có lòng trung, nên được đặc cách biểu dương để khuyến khích người sau”. Một người khác thuộc dòng Tôn thất là Tôn Thất Lương dù học hành tầm thường và không tài giỏi, nhưng là người biết giữ mình trong sạch, siêng năng, nên khi có lỗi vẫn được tin dùng. Vua cho làm như vậy không phải “có thiên tư gì đâu? Đó là không nỡ vì chỗ kém mà bỏ chỗ trội. Muốn để cho các quan ở trong Kinh và ngoài các tỉnh biết ta khi dùng người, hễ có một tác tốt cũng không vì một tác xấu mà đã vội bỏ đi đó thôi”. Nhưng đối với người trong Tôn thất mà không có tài đức thì nhà vua vẫn không trọng dụng, hay được trọng dụng mà phạm lỗi cũng sẽ bị xử phạt nghiêm minh.

Trong quá trình “dụng quan” vua Minh Mạng vừa đề cao Nho gia vừa đề cao tinh thần Pháp trị (Vũ Kim Dung, 2003: 169), “Kẻ nào có tội cũng theo pháp luật mà trừng trị, chưa từng gượng nhẹ bao giờ. Điều đó tưởng đã rõ ràng, tai mắt người ta đều nghe biết cả” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 215-216). Năm 1838, Vua giáng dụ rằng: “kỷ cương Nhà nước, cốt ở xem xét rõ nghiêm, có công thì thưởng, có tội thì răn, phạm người có tội thì

không cứ quan lớn, quan nhỏ, chỉ có giữ pháp làm việc, nhưng trong đó có châm chước, nếu vô tình làm lỗi, thường được đặc cách ban ơn, phạt để cho biết tự xét mình, mà tha để cho tự sửa, tưởng đã là ân ở trong uy, lòng nhân ở ngoài pháp luật, đâu có không tốt” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 5: 460-461). Năm 1833, vua dụ Nội các rằng: chính trị cốt phải khoan hòa nhân hậu không nên chuyên dùng nghiêm khắc, đối với hình phạt nên “để tâm thận trọng càng hơn” và có khi khoan dung, có khi nghiêm khắc để “châm chước lựa dùng, cốt phải cân nhắc tùy theo án tình nặng hay nhẹ”. Từ đó vua Minh Mạng chuẩn định: “Pháp luật là cái cân công bằng của thiên hạ, ta là một người cầm cân, rất công bằng, chính đáng, nắm cả hai bên, so lấy đúng giữa, cốt sao trọng việc thi hành pháp luật vẫn có ý khoan hòa nhân hậu” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 489).

Tuân Tử từng cho rằng: “xem xét chính trị biết phân biệt rõ ràng, người nào lấy điều thiện đến với ta, thì dùng lễ mà đối đãi họ, người nào lấy điều bất thiện đến với ta thì dùng hình phạt đối đãi với họ. Hai hạng người đó được phân biệt thì người hiền và kẻ bất hiền không lẫn lộn, phải trái không rối loạn” (Lã Trấn Vũ, 1964: 270). Vua Minh Mạng anh minh và rất nghiêm khắc trong “dụng nhân” nhưng cũng là một hoàng đế luôn “khoan thư sức quan”. Đối với những vị quan giỏi, nếu phạm lỗi ông sẽ xử phạt theo luật định, nhưng sau đó biết sửa sai, ăn năn hối lỗi, ông sẽ bổ dụng lại. Năm 1834, vua

Minh Mạng sai bộ Lại bàn xét bổ dụng lại những người xuất thân cử nhân, trước đã có lỗi bị giáng chức, nay đổi sang chức giáo thụ và huấn đạo ở các địa phương còn khuyết nhiều. Nhà vua còn bảo: “Ta đêm ngày nghĩ việc dùng người, chỉ muốn bồi dưỡng nhân tài ở chức được lâu. Duy có công thì thưởng, có tội thì phạt, đó là phép thưởng của Nhà nước, công pháp quyết chẳng bỏ được. Nay chủ nhà đối với tôi tớ, kẻ nào chăm chỉ được việc, cũng còn yêu thương, hướng chi bầy tôi biết phấn khởi, cố gắng, ông vua há nỡ cứ bỏ đi sao?” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 15).

“Thụ” là một chức vụ tạm thời mà dưới chế độ quân chủ Việt Nam nói chung, triều Nguyễn nói riêng dùng để bổ dụng những vị quan chưa có đủ điều kiện. Dưới triều Minh Mệnh, lệ này cũng đã áp dụng để thử nghiệm những vị quan chưa rõ tài đức. Chẳng hạn, năm thứ 14 (1833), vua Minh Mạng cho Vệ úy ở vệ Nghĩa vũ quân Thần sách là Vũ Văn Huân thử làm thụ Lãnh binh tỉnh Thanh Hóa. Bổ dụng Vũ Văn Huân làm thụ Lãnh binh là vì: “Chức Lãnh binh cần được người can đảm có thao lược để làm...

Nhưng nay đương lúc cần dùng người, hãy cho thử làm thụ Lãnh binh, đợi một năm, nếu quả làm được việc, tâu lên sẽ cho thực thụ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 694).

4. KẾT LUẬN

Với những quan điểm và chính sách tuyển bổ, sử dụng quan lại trên đây, trong 20 năm trị vì, vua Minh Mạng đã xây dựng được một đội ngũ quan lại đáp ứng yêu cầu giúp vua quản lý đất nước, củng cố vương quyền và chăm lo cho dân chúng. Trong hàng ngũ quan lại của thời kỳ này có nhiều vị quan được triều đình tin dùng, được dân chúng tin yêu và lịch sử ghi danh, như: Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên, Trương Minh Giảng, Lê Đăng Doanh, Vũ Xuân Cẩn, Doãn Uẩn, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Kim Bảng, Phan Bá Đạt... Chính cách tuyển bổ và sử dụng quan lại có tính tiến bộ, là yếu tố quan trọng giúp cho vua Minh Mạng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia vững mạnh trong giai đoạn này. Những chính sách tuyển bổ quan lại của vua Minh Mạng là những kinh nghiệm đáng để tham khảo trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền hiện nay. □

CHÚ THÍCH

(1) <http://baobacninh.com.vn/hien-tai-la-nguyen-khi-quoc-gia.html>

(2) Theo đó ở Kinh: Văn, như Hiệp biện, Thượng thư cử người làm nổi Bô chính; Tham tri Lục bộ, Phó đô ngự sử viện Đô sát cử người làm nổi Ấn sát; Thị lang Lục bộ và các án quan Chánh, Tông tam phẩm ở các nha cử người làm nổi Tri phủ, Đồng tri phủ; Lang trung cử người làm nổi Tri huyện, Huyện thừa. Võ, như Chưởng phủ, Đô thống cử người làm nổi Vệ úy, Lãnh binh; Thống chế, Chưởng cơ cử người làm nổi Phó vệ úy, Quân cơ; các Quân vệ cử người làm nổi Phó quản cơ, Thành thủ úy mỗi chức một người. Vệ nào có cả 2 viên

Chánh, Phó vệ úy thì chuẩn cho nhau hiệp cử mỗi chức một người. “Ở các tỉnh, chuẩn cho Tổng đốc, Tuần phủ, không có Tổng đốc, Tuần phủ thì chuẩn cho Bố chính, Án sát, tùy theo tỉnh nhỏ hay lớn cử lấy 1, 2 hay 2, 3 viên phủ huyện thuộc hạt” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 4: 491-492).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. http://baobacninh.com.vn/news_detail/77117/hien-tai-la-nguyen-khi-quoc-gia.html
2. Lã Trấn Vũ. 1964. *Lịch sử các học thuyết chính trị Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
3. Lê Sĩ Thắng. 1997. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
4. Nguyễn Hiến Lê (chủ dịch và giới thiệu). 1995. *Luận ngữ*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 2, 3, 4, 5. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2010. *Minh Mệnh chính yếu*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
7. Vũ Kim Dung. 2003. *Tư tưởng Hàn Phi*. Luận án tiến sĩ Triết học. Hà Nội: Viện Triết học.